

- a) Trẻ em dưới 18 tuổi;
- b) Người sinh ra và lớn lên ở nước ngoài;
- c) Người đã rời Việt Nam để định cư ở nước ngoài từ 10 năm trở lên;
- d) Người được xuất cảnh theo diện đoàn tụ gia đình.

Đối với trường hợp nói tại điểm d, Bộ Tư pháp chỉ cần gửi hồ sơ cho Bộ Nội vụ để thông báo; nếu thấy có lý-do cản trở việc cho thôi quốc tịch Việt Nam, Bộ Nội vụ gửi văn bản cho Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

5. Đối với những trường hợp được chấp thuận thì Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước được chuyển đến cho đương sự thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài hoặc thông qua Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu đương sự ở trong nước).

**Điều 7.-**

- 1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.
- 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22 tháng 6 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.-** Để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế xã hội, Nhà nước tạo lập khung pháp lý nhất quán và ổn định, môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và cạnh tranh bình đẳng cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, thực hiện cơ chế "một cửa" trong quan hệ giữa nhà đầu tư với các cơ quan nhà nước, bảo đảm các chế độ ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư được khuyến khích theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

**Điều 2.-** Các hình thức đầu tư được khuyến khích theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước như sau:

- 1. Dự án đầu tư thành lập và phát triển cơ sở sản xuất, kinh doanh bao gồm:
  - a) Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh;
  - b) Đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh ngành nghề mới hoặc sản xuất sản phẩm mới tại cùng một địa điểm;
  - c) Đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm hiện có hoặc sản phẩm mới tại địa điểm mới;

Các trường hợp đầu tư nói tại điểm b và c trong Khoản 1 Điều này không phải xin cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp mà chỉ cần đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh mới.

2. Dự án đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có.

3. Mua cổ phần gọi vốn hoặc tăng vốn của các doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp.

4. Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).

**Điều 3.-** Đối tượng áp dụng Luật Khuyến khích đầu tư trong nước bao gồm:

1. Các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Hợp tác xã, Luật Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp và cá nhân, nhóm kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

2. Tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam mua cổ phần hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp trong nước, kể cả các doanh nghiệp nhà nước được đa dạng hóa sở hữu hoặc các quỹ đầu tư tự chủ tài chính.

3. Doanh nghiệp do người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

4. Doanh nghiệp do người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

5. Doanh nghiệp do công dân Việt Nam cùng thành lập với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, với người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam.

**Điều 4.-** Các ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội được khuyến khích đầu tư theo quy định trong Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định này; các huyện dân tộc thiểu số, miền núi,

hải đảo được khuyến khích đầu tư theo quy định trong Danh mục B ban hành kèm theo Nghị định này; các vùng khó khăn khác được khuyến khích đầu tư theo quy định trong Danh mục C ban hành kèm theo Nghị định này (sau đây gọi tắt là Danh mục A, Danh mục B, Danh mục C).

**Điều 5.-** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là người Việt Nam ở nước ngoài) bao gồm người có quốc tịch Việt Nam định cư ở nước ngoài và người gốc Việt Nam có quốc tịch nước khác.

Người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư trực tiếp về nước có quyền lựa chọn áp dụng Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, nhưng mỗi dự án đầu tư chỉ áp dụng một trong hai Luật đó.

Chủ đầu tư là người Việt Nam ở nước ngoài có các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này được thành lập doanh nghiệp dưới hình thức công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 6.-** Để thực hiện đầu tư trực tiếp theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, người gốc Việt Nam có quốc tịch nước khác phải có xác nhận bằng văn bản về nguồn gốc Việt Nam của mình do một trong các cơ quan sau đây cấp: cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài; Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà người có nguồn gốc Việt Nam mang hộ chiếu.

**Điều 7.-** Người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam là người nước ngoài đã được đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam.

Chủ đầu tư là người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam có các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này được thành lập doanh nghiệp dưới hình thức công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân, có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 8.-** Tỷ lệ cổ phần hoặc vốn góp của các tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài

ở Việt Nam mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp trong nước, kể cả các doanh nghiệp nhà nước được phép đa dạng hóa sở hữu hoặc các quỹ đầu tư của Nhà nước sẽ được Chính phủ quy định cụ thể cho từng thời kỳ tùy theo ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn đầu tư.

**Điều 9.-** Để được phép đầu tư trực tiếp thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo Bộ Luật Dân sự Việt Nam.
2. Có đủ số vốn pháp định theo quy định của Luật Doanh nghiệp tư nhân hoặc Luật Công ty của Việt Nam.

## Chương II

### BẢO ĐẢM VÀ TRỢ GIÚP ĐẦU TƯ

**Điều 10.-** Doanh nghiệp đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước được giao đất hoặc cho thuê đất, được bảo đảm về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 11.-** Các doanh nghiệp của người Việt Nam ở nước ngoài và các doanh nghiệp của người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam hoạt động theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Nghị định này được đối xử như các doanh nghiệp cùng loại trong nước, như được áp dụng cùng một mức giá đối với hàng hóa dịch vụ đầu vào do Nhà nước định giá, chịu cùng mức thuế, được hưởng cùng mức ưu đãi đầu tư, và được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và phải thực hiện các nghĩa vụ đã được pháp luật quy định như các tổ chức trong nước.

**Điều 12.-** Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, các cá nhân trong nước và nước ngoài góp vốn thành lập các

quỹ đầu tư phát triển và quản lý theo nguyên tắc tự chủ tài chính. Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của các quỹ đầu tư, các chính sách, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm bảo đảm quyền lợi cho các bên góp vốn.

**Điều 13.-** Nhà nước trực tiếp trợ giúp đầu tư thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, các quỹ đầu tư phát triển và các chương trình khác của Nhà nước. Đối tượng được trợ giúp đầu tư và phương thức quản lý, thời hạn thực hiện được Chính phủ quy định cho từng chương trình và dự án cụ thể.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước góp vốn vào Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia theo nguyên tắc tự nguyện. Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích của các bên góp vốn theo Điều lệ của Quỹ.

**Điều 14.-** Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia hỗ trợ các dự án đầu tư thuộc các ngành, nghề, lĩnh vực và các vùng được ưu đãi như sau:

1. Cho vay vốn trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục B và Danh mục C. Chủ đầu tư được dùng tài sản mua bằng vốn vay này để thế chấp. Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định căn cứ vào kiến nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
2. Bảo lãnh tín dụng đầu tư cho các dự án đầu tư thuộc Danh mục A, Danh mục B và Danh mục C;
3. Trợ cấp một phần lãi suất vay cho các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển và các ngân hàng thương mại quốc doanh đối với các dự án đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục A. Mức trợ cấp bằng mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển hoặc ngân hàng thương mại quốc doanh nơi chủ đầu tư vay với lãi suất cho vay từ Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia tại thời điểm vay và chỉ được nhận trợ cấp sau khi chủ đầu tư đã hoàn trả vốn gốc của khoản vay của mình.

**Điều 15.-** Việc góp vốn của Nhà nước vào các doanh nghiệp được thực hiện theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao

(gọi tắt là doanh nghiệp BOT) và các hình thức khác thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, các ngân hàng thương mại quốc doanh, các công ty tài chính quốc doanh. Việc góp vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp BOT đối với các dự án thuộc nhóm A (theo quy định phân cấp đầu tư) do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định góp vốn đầu tư bằng vốn ngân sách của địa phương để thực hiện các dự án BOT thuộc nhóm B và C (theo quy định phân cấp đầu tư) theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính.

**Điều 16.-** Doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu được quyền trực tiếp xuất khẩu hàng hóa do mình sản xuất.

Mức vốn lưu động tối thiểu quy định cho các doanh nghiệp chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu đăng ký hoạt động tại các vùng thuộc Danh mục B hoặc Danh mục C được giảm 50% so với mức vốn lưu động quy định chung.

**Điều 17.-** Cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu hoặc sản xuất nguyên liệu, phụ liệu trực tiếp làm hàng xuất khẩu thuộc diện ưu đãi đầu tư theo Danh mục A hoặc Danh mục B hoặc Danh mục C thì được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển và các ngân hàng thương mại quốc doanh bảo lãnh hoặc cho vay tín dụng xuất khẩu, kể cả cho vay mua hàng xuất khẩu và cho vay đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Trong trường hợp các ngân hàng này không đủ vốn để cho vay, thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm cho các ngân hàng nói trên vay tái cấp vốn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Riêng đối với một số mặt hàng xuất khẩu quan trọng thuộc diện ưu tiên phát triển theo Danh mục do Chính phủ quy định, trong trường hợp giá thị trường thế giới xuống thấp hoặc giá thị trường trong nước đối với các nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu đó lên cao gây thua lỗ lớn cho cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, thì Nhà

nước sẽ xem xét trợ giúp thông qua Quỹ bình ổn giá. Ban Vật giá của Chính phủ chủ trì cùng các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức và thời điểm trợ giúp cụ thể theo mục tiêu và Điều lệ quản lý của Quỹ này.

**Điều 18.-** Chủ đầu tư được chọn địa bàn thực hiện dự án đầu tư hoặc mở chi nhánh mà không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại của mình. Sau khi có giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, chủ đầu tư đứng tên đăng ký kinh doanh có quyền chuyển hộ khẩu thường trú hoặc giấy chứng nhận thường trú của mình và gia đình tới địa phương nơi thực hiện dự án đầu tư mới.

Lao động có trình độ đại học hoặc có tay nghề bậc bốn trở lên mà đã có hợp đồng lao động từ hai năm trở lên ở cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc diện ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước được chuyển hộ khẩu thường trú đến nơi làm việc mới của mình.

**Điều 19.-** Chủ đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước có quyền thuê lao động và chuyên gia nước ngoài và trả tiền công trên cơ sở hợp đồng lao động.

**Điều 20.-** Chủ đầu tư là người Việt Nam ở nước ngoài sau khi được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư được hưởng giá cước vận tải đường thủy, đường sắt, đường bộ, đường hàng không và các loại giá dịch vụ về nhà ở, khách sạn, điện, nước, các loại cước phí bưu chính viễn thông như áp dụng đối với người Việt Nam ở trong nước.

**Điều 21.-** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được cấp thị thực có giá trị xuất nhập cảnh nhiều lần trong thời gian chuẩn bị, triển khai xây dựng và điều hành cơ sở sản xuất của mình.

**Điều 22.-** Sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam được chuyển ra nước ngoài các khoản lợi nhuận, vốn vay, vốn đầu tư hợp pháp và các khoản tiền và tài sản hợp pháp khác như trường

hợp người nước ngoài đầu tư vào Việt Nam theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Điều 23.*- Khi chuyển ra nước ngoài các khoản lợi nhuận, vốn vay, vốn đầu tư được quy định tại Điều 22 Nghị định này, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam được chuyển đổi các khoản này thành ngoại tệ tại các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài.

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế theo pháp luật Việt Nam được mua ngoại tệ tại các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia hoặc vốn đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp hoặc cổ phần của mình cho người khác.

*Điều 24.*- Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý chuyển giao công nghệ, dạy nghề, đào tạo về kỹ thuật và kỹ năng quản lý, cung cấp thông tin để trợ giúp cho đầu tư trong nước.

Nghiêm cấm các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp kinh doanh các dịch vụ tư vấn đầu tư để thu lợi.

*Điều 25.*- Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, hướng dẫn và trợ giúp các nhà đầu tư trong nước tiến hành các hoạt động đầu tư trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định cụ thể việc sử dụng Quỹ phát triển công nghệ và các biện pháp hỗ trợ tài chính về đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp thuộc diện điều chỉnh của Nghị định này.

*Điều 26.*- Trong trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật mà làm thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp được ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Nghị định

này, thì Nhà nước có biện pháp giải quyết hợp lý quyền lợi của nhà đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính và các cơ quan hữu quan khác trình Thủ tướng Chính phủ những nguyên tắc cơ bản để thực hiện Điều này.

### Chương III

## ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

*Điều 27.*- Doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và các doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc Danh mục A thực hiện tại các huyện thuộc Danh mục B hoặc tại các vùng thuộc Danh mục C nếu được Nhà nước giao đất thì không phải trả tiền sử dụng đất; nếu thuê đất thì được miễn tiền thuê đất trong 5 năm đầu và giảm 50% tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo kể từ khi ký hợp đồng thuê.

*Điều 28.*- Doanh nghiệp có dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp hoặc khu chế xuất, khu công nghệ cao được giảm 50% tiền thuê đất của Nhà nước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các ngành nghề thuộc Danh mục A tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được giảm 50% tiền thuê mặt bằng theo nguyên giá mà Nhà nước cho thuê không bao gồm giá trị các công trình hạ tầng của các công ty phát triển hạ tầng trong nước trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê.

*Điều 29.*- Các dự án đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu hoặc sản xuất nguyên liệu, phụ liệu trực tiếp làm hàng xuất khẩu thay thế hàng nhập khẩu được:

1. Các ngân hàng thương mại quốc doanh cho vay tín dụng xuất khẩu với lãi suất ưu đãi;

2. Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia bảo lãnh cho các khoản tín dụng xuất khẩu;

3. Rút ngắn 50% thời gian khấu hao tài sản cố định được sử dụng vào sản xuất, chế biến hoặc lắp ráp hàng xuất khẩu.

*Điều 30.-* Những dự án đầu tư sau đây được hưởng ưu đãi về thuế:

1. Đầu tư vào các ngành, nghề được quy định tại Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đầu tư vào cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ có một trong các yếu tố sau đây:

a) Công nghệ tạo ra sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.

b) Công nghệ được áp dụng có khả năng tạo ra sự đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành khác.

c) Công nghệ sử dụng nguyên liệu trong nước để làm ra sản phẩm đạt các chỉ tiêu chất lượng cao hơn so với các sản phẩm hiện có cùng loại.

d) Công nghệ sạch; công nghệ sử dụng các chất phế thải rắn, lỏng và khí.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì và phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan nghiên cứu ban hành Danh mục các lĩnh vực công nghệ, đáp ứng yêu cầu nêu ở Khoản 2 Điều này.

3. Đầu tư vào dự án sản xuất, kinh doanh sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là:

a) Ở đô thị loại 1 và loại 2: 100 người.

b) Ở các huyện thuộc Danh mục B và các vùng thuộc Danh mục C: 20 người.

c) Ở các vùng khác: 50 người.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cách tính số lao động bình quân nói ở Khoản này.

4. Đầu tư vào các huyện thuộc Danh mục B.

5. Đầu tư vào các vùng thuộc Danh mục C.

6. Đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất.

*Điều 31.-* Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ đầu tư theo hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định này tại huyện không thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo (Danh mục B) hoặc các vùng khó khăn khác (Danh mục C), nếu có một trong các điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Nghị định này thì được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 1 năm, kể từ tháng có doanh thu chịu thuế, được miễn thuế lợi tức 2 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 3 năm tiếp theo. Đối với những cơ sở sản xuất có từ 2 điều kiện trở lên thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 1 năm nữa.

*Điều 32.-* Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư theo hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định này tại huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi cao quy định tại Phần I Danh mục B nếu có một trong các điều kiện được quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 30 Nghị định này thì được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 4 năm, kể từ tháng có doanh thu chịu thuế; được miễn thuế lợi tức trong thời hạn 4 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 7 năm tiếp theo. Đối với những cơ sở sản xuất có từ 2 điều kiện trở lên thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm nữa.

*Điều 33.-* Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư theo hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định này tại huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo quy định tại Phần II Danh mục B nếu có một trong các điều kiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Nghị định này thì được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 3 năm, kể từ tháng có doanh thu chịu thuế; được miễn thuế lợi tức trong 4 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo. Đối với những cơ sở sản xuất có từ 2 điều kiện trở lên thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm nữa.

**Điều 34.-** Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư theo hình thức quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định này tại vùng khó khăn khác (Danh mục C) nếu có một trong các điều kiện được quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 30 của Nghị định này thì được giảm 50% số thuế doanh thu phải nộp trong thời hạn 2 năm, kể từ tháng có doanh thu chịu thuế; được miễn thuế lợi tức trong thời hạn 3 năm đầu, kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo. Đối với những cơ sở sản xuất có từ 2 điều kiện trở lên thì được giảm thêm 50% số thuế lợi tức phải nộp trong 2 năm nữa.

**Điều 35.-** Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ có dự án đầu tư theo hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định này được miễn 1 năm thuế lợi tức cho phần lợi nhuận tăng thêm kể từ năm phát sinh lợi nhuận chịu thuế. Lợi nhuận dùng để tái đầu tư thì không tính vào số lợi nhuận chịu thuế.

**Điều 36.-** Các quy định miễn, giảm thuế đối với những cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ thuộc diện ưu đãi đầu tư tại các Điều 31, 32, 33, 34 và 35 của Nghị định này nằm trong khung miễn, giảm thuế theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Luật Thuế doanh thu, Luật Thuế lợi tức hiện hành.

**Điều 37.-** Việc miễn thuế nhập khẩu đối với các dự án đầu tư đã được cấp giấy phép quy định như sau:

1. Các dự án đầu tư được cấp giấy phép được miễn thuế nhập khẩu một lần đối với các thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải sau đây:

a) Thiết bị, máy móc nhập khẩu (kể cả hệ thống điện, cấp thoát nước, thông tin) để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp và phương tiện vận chuyển dùng để đưa đón công nhân (ô-tô từ 24 chỗ ngồi trở lên), phương tiện thủy;

c) Linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng gá lắp, khuôn mẫu, phụ kiện đi kèm với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, phương tiện vận chuyển nêu trên.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải nêu trên được áp dụng cho cả trường hợp mở rộng quy mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ;

d) Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện dự án BOT;

đ) Các giống cây trồng, giống vật nuôi, nông được đặc chủng được phép nhập khẩu để thực hiện dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp;

e) Trang thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất thiết bị trường học, thiết bị y tế; trang thiết bị cho việc bảo vệ môi trường;

f) Hàng hóa, vật tư khác dùng cho các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp được miễn thuế trong các điều kiện sau:

a) Nhập khẩu để chế tạo thiết bị hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp.

b) Nhập khẩu để xây dựng hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp, nếu nguyên liệu, vật tư đó trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật của công trình.

c) Nhập khẩu để sản xuất thử theo giải trình và được Bộ Thương mại xem xét, chấp thuận đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Đối với nguyên liệu, bộ phận rời, phụ tùng và vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thì khi nhập khẩu vào Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu và khi xuất khẩu thành phẩm được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ thành phần xuất khẩu. Việc hoàn thuế được thực hiện theo đúng thời hạn quy định tại cơ quan và địa điểm nơi chủ đầu tư đã nộp thuế nhập khẩu.

4. Căn cứ vào giấy phép đầu tư và quyết định hàng hóa nhập khẩu miễn thuế của Bộ Thương

mai, cơ quan hải quan làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa nhanh chóng theo quy định của pháp luật về hải quan.

5. Hàng hóa nhập khẩu nói tại Khoản 1 và 2 của Điều này phải được sử dụng đúng mục đích của dự án. Trường hợp nhượng bán tại thị trường phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

6. Bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật dùng để góp vốn được miễn các loại thuế có liên quan đến chuyển giao công nghệ.

**Điều 38.-** Các dự án đầu tư thuộc Danh mục A hoặc thực hiện tại các vùng thuộc Danh mục B hoặc tại các vùng thuộc Danh mục C nếu có khai thác tài nguyên khoáng sản (trừ dầu khí) thì được giảm tối đa 50% thuế tài nguyên trong 3 năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu khai thác.

**Điều 39.-** Tổ chức, cá nhân trực tiếp mua cổ phần của doanh nghiệp hoặc góp vốn vào doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư được miễn thuế lợi tức (thuế thu nhập doanh nghiệp) hoặc thuế thu nhập cá nhân, kể cả thuế thu nhập bổ sung đối với người có thu nhập cao, đối với phần lợi nhuận được hưởng trong thời hạn 3 năm kể từ khi được hưởng lần đầu.

**Điều 40.-** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài bỏ vốn đầu tư theo các hình thức đầu tư quy định tại Điều 2 của Nghị định này, người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam mua cổ phần, gọi vốn, tăng vốn hoặc góp vốn vào doanh nghiệp theo Khoản 3 Điều 2 của Nghị định này khi chuyển lợi nhuận thu được ra nước ngoài chỉ phải nộp một khoản thuế bằng 5% số tiền chuyển ra nước ngoài.

#### Chương IV

### QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

**Điều 41.-** Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về

khuyến khích đầu tư trong nước, có các nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng trình Chính phủ quyết định bổ sung, thay đổi danh mục các ngành, nghề và phạm vi các vùng được hưởng ưu đãi đầu tư (quy định tại Danh mục A, B, C kèm theo Nghị định này);

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành hướng dẫn, theo dõi và giám sát việc thực hiện các biện pháp trợ giúp và ưu đãi đầu tư;

3. Quy định trình tự, thủ tục, mẫu đơn và giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư áp dụng thống nhất trong cả nước;

4. Quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; doanh nghiệp do Thủ tướng ủy quyền cho Bộ trưởng quyết định thành lập.

**Điều 42.-** Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm thuế theo quy định tại Nghị định này.

Căn cứ vào giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư mà chủ đầu tư đã được cấp, cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc nộp thuế của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm thuế hoặc tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 43.-** Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban Nhân dân tỉnh) có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn địa phương phù hợp với các quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, trong đó có việc xác định danh mục các dự án đầu tư ưu đãi; quyết định việc cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư; theo dõi và giám sát việc thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước.

Việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp mới thành lập phải được cấp cùng một lúc với giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.



Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh) giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư ở địa phương; xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty.

*Điều 44.-*

1. Thủ tục xin phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty thuộc các ngành, nghề hạn chế kinh doanh phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép theo quy định tại Điều 5 của Luật Doanh nghiệp tư nhân và Điều 11 Luật Công ty thì vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thủ tục xin phép thành lập doanh nghiệp không thuộc các ngành, nghề nói tại Điều 5 của Luật Doanh nghiệp tư nhân và Điều 11 Luật Công ty được thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Người xin phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty gửi đơn xin phép thành lập doanh nghiệp, công ty đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, nơi doanh nghiệp đặt hoặc dự định đặt trụ sở chính. Đơn xin phép thành lập doanh nghiệp bao gồm cả nội dung xin hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có) theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Nghị định này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh tiếp nhận hồ sơ xin phép thành lập hoặc đăng ký bổ sung ngành nghề, lấy ý kiến của các Sở quản lý ngành; trường hợp có đơn xin ưu đãi đầu tư thì lấy ý kiến bằng văn bản của Cục Thuế, Cục Đầu tư phát triển và các cơ quan liên quan khác khi cần thiết, trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty và việc cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân, công ty hoặc giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo nói rõ lý do cho đương sự biết.

Trường hợp các dự án do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, thì trước

khi cấp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản hỏi ý kiến, nếu quá thời hạn này mà không trả lời thì coi như đồng ý.

3. Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trong đó đã ghi rõ các khoản ưu đãi là văn bản có giá trị pháp lý thể hiện quyền của nhà đầu tư được hưởng các mức ưu đãi đầu tư theo Nghị định này.

4. Việc cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp tư nhân và việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (nếu có) đối với doanh nghiệp tư nhân phải thực hiện trong thời hạn 30 ngày đối với trường hợp không thuê đất và 60 ngày đối với trường hợp thuê đất. Việc cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập công ty và việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (nếu có) phải thực hiện trong thời hạn 60 ngày cả đối với trường hợp không thuê đất cũng như trường hợp có thuê đất.

Thời hạn trên được tính từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, nếu hồ sơ được trực tiếp đưa đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh hoặc tính từ ngày nhận được theo dấu của bưu điện nơi gửi nếu hồ sơ gửi qua bưu điện. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo yêu cầu người xin phép thành lập doanh nghiệp, công ty bổ sung hoặc sửa đổi những nội dung cho phù hợp với quy định của Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân. Thời hạn cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp sẽ được tính từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

*Điều 45.-* Việc thành lập và đăng ký kinh doanh của hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, cá nhân, nhóm kinh doanh và đầu tư xây dựng của cơ sở giáo dục và đào tạo dân lập, y tế, các tổ chức hoạt động công ích được Nhà nước cho phép thành lập được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh là cơ quan tiếp nhận đơn xin hưởng ưu đãi đầu tư của các đối tượng nói tại Điều này và thụ lý hồ sơ xin ưu đãi đầu tư theo trình tự, thủ tục như đối với trường hợp doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điều 44 của Nghị định này.

**Điều 46.-** Đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thì Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư vào khu công nghiệp, xem xét trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp và cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Thời hạn để tiếp nhận hồ sơ, cấp giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư được áp dụng như đối với trường hợp của công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân nói ở Khoản 4 Điều 44 của Nghị định này.

**Điều 47.-** Việc thành lập doanh nghiệp và xin ưu đãi đầu tư của các đối tượng nêu ở Khoản 3, 4 và 5 Điều 3 của Nghị định này thực hiện theo các điều kiện quy định tại Điều 9 và các quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp và xét cấp ưu đãi đầu tư tại Điều 44 Nghị định này.

**Điều 48.-** Nghiêm cấm cán bộ, công chức nhà nước lợi dụng quyền hạn của mình gây khó khăn, phiền hà, cản trở hoạt động đầu tư theo pháp luật khuyến khích đầu tư trong nước; trong trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chủ đầu tư có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi của công chức và cơ quan nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật khuyến khích đầu tư trong nước.

**Điều 49.-** Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện đúng chức năng, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật. Không được tổ chức nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra cùng một nội dung vào cùng một thời điểm hoặc kéo dài liên tục nhiều thời gian ở một doanh nghiệp.

Việc thanh tra, kiểm tra bất thường chỉ thực hiện khi hoạt động của doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền; khi kết thúc thanh tra, kiểm tra phải có biên bản; người chủ trì đoàn thanh tra, kiểm tra chịu trách nhiệm về kết luận thanh tra.

3. Tổ chức, cá nhân ra quyết định thực hiện việc thanh tra, kiểm tra không đúng pháp luật hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì tùy mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các cơ quan nhà nước đã tiến hành thanh tra, kiểm tra không đúng những quy định của pháp luật, về hành vi của thanh tra viên, kiểm sát viên và về kết luận thanh tra mà mình cho là không đúng; có quyền yêu cầu đền bù thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật của thanh tra viên, kiểm sát viên gây ra.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 50.-** Nghị định này thay thế Nghị định số 29-CP ngày 12-5-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký; những quy định trước đây của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trái với nội dung Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Các dự án đầu tư đang được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước vẫn được tiếp tục hưởng các ưu đãi đầu tư cho đến hết thời gian còn lại theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp.

Riêng các ưu đãi bổ sung về miễn, giảm tiền thuê đất nói tại các Điều 27 và 28, ưu đãi về thuế nhập khẩu nói tại Điều 37 và ưu đãi về giảm thuế

tài nguyên nói tại Điều 38 Nghị định này đối với các dự án có giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Các ưu đãi đầu tư của dự án đầu tư mới phát sinh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được thực hiện theo Nghị định này.

**Điều 51.-** Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi đôn đốc thực hiện Nghị định này, định kỳ 6 tháng một lần có sơ kết và báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện và những vấn đề mới nảy sinh cần xử lý.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công nghiệp, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Tổng cục Địa chính và Bộ Tư pháp có trách nhiệm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

**Điều 52.-** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M.Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## DANH MỤC A

### Ngành nghề thuộc các lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư

*ban hành kèm theo Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).*

Các dự án đầu tư vào các ngành, nghề trong từng lĩnh vực sau đây được hưởng ưu đãi:

**I. Trồng rừng, trồng cây trên đất chưa sử dụng, tận dụng, khai thác đất trống, đồi núi trọc vào mục đích kinh doanh; nuôi trồng thủy sản ở các vùng nước chưa được khai thác, đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ, chăn nuôi đại gia súc tập trung.**

1. Trồng rừng phòng hộ (đầu nguồn, ven biển, bảo vệ môi sinh), rừng đặc dụng.
2. Trồng cao su, cà phê, chè, dâu tằm, điều, tiêu, cây ăn quả, dược liệu trên đất tự nhiên chưa được đầu tư cải tạo.
3. Nuôi trồng thủy sản ở các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo, chưa từng được sử dụng để nuôi trồng thủy sản nhằm mục đích kinh doanh.
4. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
5. Chăn nuôi đại gia súc tập trung ở miền núi, trung du.

**II. Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; phát triển vận tải công cộng, phát triển nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa dân tộc, nghiên cứu khoa học, công nghệ.**

1. Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
  - Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng các nhà máy điện, phát triển mạng lưới điện, xây dựng các cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, gió, khí sinh vật.
  - Xây dựng mới, nâng cấp đường bộ; xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa sân bay, bến cảng; khôi phục nâng cấp, xây dựng mới, mở thêm các tuyến đường sắt.
  - Cải tạo và phát triển mạng lưới thông tin liên lạc.
  - Xây dựng nhà máy sản xuất nước và hệ thống cấp, thoát nước phục vụ sản xuất và đời sống; các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cho đô thị, khu công nghiệp, miền núi, vùng sâu, vùng xa.
  - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung.

2. Phát triển vận tải hàng hóa và vận tải hành khách công cộng.

3. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa dân tộc.

- Trường học dân lập ở các bậc học; trường tư thục ở giáo dục mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và đại học.

- Cơ sở dạy nghề, nâng cao tay nghề cho công nhân và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật; bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý.

- Cơ sở dân lập và tư thục trong các lĩnh vực: khám bệnh, chữa bệnh, dưỡng lão, chăm sóc người tàn tật.

- Nhà văn hóa dân tộc; các đoàn ca, múa, nhạc dân tộc.

4. Nghiên cứu khoa học, công nghệ.

- Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng khoa học tự nhiên, công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.

- Nghiên cứu đổi mới thiết bị, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất.

- Ứng dụng và phát triển các công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ chế tạo và gia công vật liệu từ nguồn nguyên liệu trong nước.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ công nghệ: Đo lường, tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng sản phẩm, đánh giá và thẩm định công nghệ, thông tin công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

5. Đầu tư mua sắm thiết bị thi công phục vụ xây dựng công trình. Đầu tư xây dựng các khu thương mại, các siêu thị. Đầu tư xây dựng các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở các thành phố và đô thị.

**III. Chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, các dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.**

1. Chế biến lương thực, thịt, sữa, cá, tôm, đậu ăn, đường, rau quả, cao su, tơ tằm, chè, cà phê, chế biến nước giải khát, nước quả.

2. Chế biến dược liệu, hương liệu.

3. Chế biến lâm sản phục vụ xuất khẩu.

4. Dịch vụ và cung cấp bảo vệ cây trồng, vật nuôi; nhân và lai tạo giống mới; dịch vụ bảo quản nông sản, lâm sản, hải sản.

**IV. Sản xuất hàng xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu.**

Xây dựng mới, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ các cơ sở sản xuất, chế biến sản xuất, nguyên vật liệu, phụ liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu.

**V. Các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển (trong thời kỳ 1995 - 2000), ngoài các ngành nghề đã nêu ở phần trên.**

1. Sản xuất hàng tiêu dùng: Hàng dệt, da, cao su, nhựa cao cấp, may, mặc, đồ dùng trong nhà, giấy, dụng cụ học tập.

2. Cơ khí và điện tử - tin học: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy móc, thiết bị để sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản, hàng công nghiệp tiêu dùng; sản xuất thiết bị, phương tiện xây dựng, khai khoáng; đóng tàu sông, biển; sản xuất đầu máy, toa xe; thiết bị cho đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất linh kiện điện tử để xuất khẩu, nghiên cứu sản xuất phần mềm vi tính.

3. Sản xuất nguyên, nhiên, vật liệu: Thăm dò, khai thác dầu khí và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến than; luyện và cán thép; sản xuất kim loại màu, xi măng, vật liệu xây dựng khác; sản xuất phân bón (phân đạm, phân lân, phân hỗn hợp, phân vi sinh, vi lượng); sản xuất hóa chất cơ bản.

4. Các ngành nghề truyền thống cần khuyến khích phát triển: Chạm trổ, khắc trai, sơn mài, mây tre, trúc, thảm, gốm, sứ, dệt lụa tơ tằm.

**VI. Đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các ngành nghề gồm:**

1. Các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2. Các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**DANH MỤC B****Các huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo được hưởng ưu đãi đầu tư**

*ban hành kèm theo Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).*

**I. DANH MỤC CÁC HUYỆN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI CAO****1. Tỉnh Hà Giang:**

1. Huyện Đông Văn
2. Huyện Mèo Vạc
3. Huyện Yên Minh
4. Huyện Quản Bạ
5. Huyện Vị Xuyên
6. Huyện Bắc Mê
7. Huyện Xín Mần
8. Huyện Hoàng Su Phì.

**2. Tỉnh Cao Bằng:**

1. Huyện Bảo Lạc
2. Huyện Thông Nông
3. Huyện Hà Quảng
4. Huyện Trà Lĩnh
5. Huyện Trùng Khánh
6. Huyện Nguyên Bình
7. Huyện Hòa An
8. Huyện Quảng Hòa
9. Huyện Thạch An
10. Huyện Hà Lang
11. Huyện Ngân Sơn
12. Huyện Ba Bể.

**3. Tỉnh Sơn La:**

1. Huyện Quỳnh Nhai

2. Huyện Thuận Châu
3. Huyện Mai Sơn
4. Huyện Sông Mã
5. Huyện Bắc Yên
6. Huyện Mộc Châu
7. Huyện Mường La.

**4. Tỉnh Lai Châu:**

1. Huyện Mường Tè
2. Huyện Phong Thổ
3. Huyện Sìn Hồ
4. Huyện Mường Lay
5. Huyện Tủa Chùa
6. Huyện Tuần Giáo.

**5. Tỉnh Lào Cai:**

1. Huyện Bát Sắt
2. Huyện Mường Khương
3. Huyện Bắc Hà
4. Huyện Sa Pa
5. Huyện Than Uyên
6. Huyện Văn Bàn
7. Thị xã Cam Đường.

**6. Tỉnh Gia Lai:**

1. Huyện Kông Chro
2. Huyện An Khê
3. Huyện Mang Yang
4. Huyện Ayun Pa
5. Huyện Chư Păh
6. Huyện Đức Cơ
7. Huyện Chư Prông
8. Huyện Krông Pa
9. Huyện Chư Sê
10. Huyện Kbang.

**7. Tỉnh Kon Tum:**

1. Huyện Konplông
2. Huyện Đăk Tô

3. Huyện Đắk Glei

4. Huyện Sa Thầy.

**8. Tỉnh Đắk Lắk:**

1. Huyện EaSúp

2. Huyện Krong Búk

3. Huyện Krông Pắc

4. Huyện Đắk Mil

5. Huyện Ma D'Răk

6. Huyện Lắk

7. Huyện Đắk Nông

8. Huyện EaH' Leo

9. Huyện Krông Bông

10. Huyện Krông ANa

11. Huyện Cư M'gar

12. Huyện Đắk Rlấp

13. Huyện Ea Kar

14. Huyện Krông Năng

15. Huyện Krông Nô

16. Huyện Cư Jút.

**9. Tỉnh Lâm Đồng:**

1. Huyện Đơn Dương

2. Huyện Đức Trọng

3. Huyện Di Linh

4. Huyện Bảo Lộc

5. Huyện Lạc Dương

6. Huyện Lâm Hà.

**10. Tỉnh Yên Bái:**

1. Huyện Mù Căng Chải

2. Huyện Trạm Tấu.

**11. Tỉnh Hòa Bình:**

1. Huyện Cang Chải

2. Huyện Mai Châu.

**12. Tỉnh Lạng Sơn:**

1. Huyện Tràng Định

2. Huyện Bình Gia

3. Huyện Đình Lập

4. Huyện Văn Lãng

5. Huyện Bắc Sơn

6. Huyện Văn Quan

7. Huyện Cao Lộc.

**13. Tỉnh Bắc Kạn:**

1. Huyện Na Rì

2. Huyện Chợ Đồn.

**14. Tỉnh Thái Nguyên:**

1. Huyện Võ Nhai.

**15. Tỉnh Tuyên Quang:**

1. Huyện Na Hang.

**16. Tỉnh Quảng Ninh:**

1. Huyện Ba Chẽ

2. Huyện Bình Liêu.

**17. Tỉnh Bắc Giang:**

1. Huyện Sơn Động.

**18. Tỉnh Thanh Hóa:**

1. Huyện Quan Hóa

2. Huyện Bá Thước

3. Huyện Lang Chánh

4. Huyện Thường Xuân.

**19. Tỉnh Nghệ An:**

1. Huyện Kỳ Sơn

2. Huyện Tương Dương

3. Huyện Con Cuông

4. Huyện Quỳnh Châu

5. Huyện Quế Phong.

**20. Tỉnh Quảng Bình:**

1. Huyện Minh Hóa.

**21. Tỉnh Quảng Trị:**

1. Huyện Hướng Hóa.

**22. Tỉnh Thừa Thiên - Huế:**

1. Huyện A Lưới.

**23. Tỉnh Quảng Nam:**

1. Huyện Trà My
2. Huyện Hiên
3. Huyện Giăng
4. Huyện Phước Sơn.

**24. Tỉnh Quảng Ngãi:**

1. Huyện Trà Bồng
2. Huyện Sơn Hà
3. Huyện Ba Tơ
4. Huyện Minh Long.

**25. Tỉnh Ninh Thuận:**

1. Huyện Ninh Sơn.

**26. Tỉnh Kiên Giang:**

1. Huyện Hà Tiên.

3. Thị xã Lào Cai.

**6. Tỉnh Kon Tum:**

1. Thị xã Kon Tum.

**7. Tỉnh Lâm Đồng:**

1. Huyện Đạ Huoai
2. Huyện Đạ Tẻh
3. Huyện Cát Tiên
4. Thành phố Đà Lạt.

**8. Tỉnh Gia Lai:**

1. Thị xã PleiKù.

**9. Tỉnh Đắk Lắk:**

1. Thị xã Buôn Ma Thuột.

**10. Tỉnh Yên Bái:**

1. Thị xã Yên Bái
2. Huyện Yên Bình
3. Huyện Trấn Yên
4. Huyện Văn Chấn
5. Huyện Lục Yên
6. Huyện Văn Yên.

**11. Tỉnh Hòa Bình:**

1. Thị xã Hòa Bình
2. Huyện Tân Lạc
3. Huyện Lạc Sơn
4. Huyện Kỳ Sơn
5. Huyện Lương Sơn
6. Huyện Kim Bôi
7. Huyện Lạc Thủy
8. Huyện Yên Thủy.

**12. Tỉnh Lạng Sơn:**

1. Thị xã Lạng Sơn
2. Huyện Văn Lãng
3. Huyện Bắc Sơn
4. Huyện Văn Quan

**II. DANH MỤC CÁC HUYỆN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO****1. Tỉnh Hà Giang:**

1. Huyện Bắc Quang
2. Thị xã Hà Giang.

**2. Tỉnh Cao Bằng:**

1. Thị xã Cao Bằng.

**3. Tỉnh Sơn La:**

1. Huyện Yên Châu
2. Huyện Phù Yên
3. Thị xã Sơn La.

**4. Tỉnh Lai Châu:**

1. Huyện Điện Biên.

**5. Tỉnh Lào Cai:**

1. Huyện Bảo Thắng
2. Huyện Bảo Yên

5. Huyện Cao Lộc

6. Huyện Lộc Bình

7. Huyện Chi Lăng

8. Huyện Hữu Lũng.

**13. Tỉnh Bắc Kạn:**

1. Huyện Bạch Thông

2. Thị xã Bắc Kạn.

**14. Tỉnh Thái Nguyên:**

1. Huyện Định Hóa

2. Huyện Phú Lương

3. Huyện Đại Từ

4. Huyện Võ Nhai

5. Huyện Đồng Hỷ.

**15. Tỉnh Tuyên Quang:**

1. Thị xã Tuyên Quang

2. Huyện Hàm Yên

3. Huyện Chiêm Hóa

4. Huyện Yên Sơn

5. Huyện Sơn Dương.

**16. Tỉnh Quảng Ninh:**

1. Thị xã Cẩm Phả

2. Huyện Tiên Yên

3. Huyện Quảng Hà

4. Huyện Hoành Bồ

5. Huyện Đông Triều

6. Huyện Hải Ninh.

**17. Tỉnh Bắc Giang:**

1. Huyện Lục Nam

2. Huyện Yên Thế

3. Huyện Lục Ngạn.

**18. Tỉnh Phú Thọ:**

1. Huyện Thanh Sơn

2. Huyện Yên Lập

3. Huyện Đoan Hùng

4. Huyện Sông Thao.

**19. Tỉnh Hải Dương:**

1. Huyện Chí Linh.

**20. Tỉnh Ninh Bình:**

1. Huyện Nho Quan

2. Huyện Gia Viễn

3. Thị xã Tam Điệp

4. Huyện Yên Mô.

**21. Tỉnh Thanh Hóa:**

1. Huyện Ngọc Lặc

2. Huyện Như Xuân

3. Huyện Cẩm Thủy

4. Huyện Thạch Thành.

**22. Tỉnh Nghệ An:**

1. Huyện Quỳnh Hợp

2. Huyện Nghĩa Đàn

3. Huyện Anh Sơn

4. Huyện Tân Kỳ

5. Huyện Thanh Chương.

**23. Tỉnh Quảng Bình:**

1. Huyện Tuyên Hóa.

**24. Tỉnh Hà Tĩnh:**

1. Huyện Hương Khê

2. Huyện Hương Sơn

3. Huyện Kỳ Anh

4. Huyện Cẩm Xuyên

5. Huyện Nghi Xuyên.

**25. Tỉnh Thừa Thiên - Huế:**

1. Huyện Nam Đông.

**26. Tỉnh Quảng Nam:**

1. Huyện Hiệp Đức.

**27. Tỉnh Bình Định:**

1. Huyện An Lão



2. Huyện Vĩnh Thạnh

3. Huyện Vân Canh.

**28. Tỉnh Phú Yên:**

1. Huyện Sơn Hòa

2. Huyện Sông Hinh

3. Huyện Đồng Xuân.

**29. Tỉnh Khánh Hòa:**

1. Huyện Khánh Sơn

2. Huyện Khánh Vĩnh.

**30. Tỉnh Bình Thuận:**

1. Huyện Tánh Linh

2. Huyện Bắc Bình

3. Huyện Đức Linh.

**31. Tỉnh Bình Phước:**

1. Huyện Bù Đăng

2. Huyện Phước Long

3. Huyện Lộc Ninh.

**32. Tỉnh Đồng Nai:**

1. Huyện Tân Phú

2. Huyện Xuân Lộc

3. Huyện Định Quán.

**33. Tỉnh An Giang:**

1. Huyện Tịnh Biên

2. Huyện Tri Tôn.

**34. Các huyện hải đảo thuộc các tỉnh, thành phố Duyên Hải:**

**- Tỉnh Quảng Ninh:**

1. Huyện Vân Đồn

2. Huyện Cô Tô.

**- Thành phố Hải Phòng:**

1. Huyện Cát Hải

2. Huyện Bạch Long Vĩ.

**- Thành phố Đà Nẵng:**

1. Huyện Hoàng Sa.

**- Tỉnh Quảng Ngãi:**

1. Huyện Nghi Sơn.

**- Tỉnh Khánh Hòa:**

1. Huyện Trường Sa.

**- Tỉnh Bình Thuận:**

1. Huyện Đảo Phú Quý.

**- Tỉnh Kiên Giang:**

1. Huyện Đảo Kiên Hải

2. Đảo Phú Quốc.

**- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:**

1. Huyện Côn Đảo.

## DANH MỤC C

### Các vùng khó khăn khác

*ban hành kèm theo Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).*

1. Tỉnh Hòa Bình (trừ thị xã Hòa Bình và các huyện thuộc Danh mục B).

2. Tỉnh Nghệ An (trừ thành phố Vinh và các huyện thuộc Danh mục B).

2. Tỉnh Thanh Hóa (trừ thành phố Thanh Hóa, thị xã Sâm Sơn, thị xã Bỉm Sơn và các huyện thuộc Danh mục B).

4. Tỉnh Hà Tĩnh (trừ thị xã Hà Tĩnh và các huyện thuộc Danh mục B).

5. Tỉnh Quảng Bình (trừ thị xã Đồng Hới và các huyện thuộc Danh mục B).

6. Tỉnh Quảng Trị (trừ thị xã Đồng Hới và các huyện thuộc Danh mục B).

7. Tỉnh Quảng Ngãi (trừ thị xã Quảng Ngãi và các huyện thuộc Danh mục B).

99666063

8. Tỉnh Bình Định (trừ thành phố Quy Nhơn và các huyện thuộc Danh mục B).

9. Tỉnh Phú Yên (trừ thị xã Tuy Hòa và các huyện thuộc Danh mục B).

10. Tỉnh Ninh Thuận (trừ thị xã Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện thuộc Danh mục B).

11. Tỉnh Bình Thuận (trừ thị xã Phan Thiết và các huyện thuộc Danh mục B).

12. Các huyện thuộc vùng dân tộc Chăm và dân tộc Khmer thuộc các tỉnh miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ (trừ các huyện thuộc Danh mục B): Ủy ban Dân tộc và Miền núi ban hành danh mục.

#### 13. Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Huyện Cần Giờ

2. Huyện Nhà Bè.

#### 14. Tỉnh Kiên Giang:

1. Huyện An Biên (vùng sâu U Minh Thượng)

2. Huyện An Minh (vùng sâu U Minh Thượng)

3. Huyện Vĩnh Thuận (vùng sâu U Minh Thượng)

4. Huyện Gò Quao (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu)

5. Huyện Giồng Riềng (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu)

6. Huyện Hòn Đất (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu)

7. Huyện Châu Thành (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu)

8. Huyện Tân Hiệp (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu)

9. Thị xã Rạch Giá (vùng ngập lũ tứ giác Long Xuyên và Tây sông Hậu).

#### 15. Thành phố Hà Nội:

1. Huyện Sóc Sơn.

#### 16. Tỉnh Hà Nam:

1. Huyện Kim Bảng

2. Huyện Thanh Liêm.

#### 17. Tỉnh Trà Vinh:

1. Huyện Châu Thành

2. Huyện Trà Cú.

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1179/1997/QĐ-TTg ngày 30-12-1997 về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1998.**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/1997-QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X ngày 12 tháng 12 năm 1997 về nhiệm vụ năm 1998;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

### QUYẾT ĐỊNH:

#### I. VỀ CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 1998

*Điều 1.- Lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn:*

1. Triển khai các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn, trước mắt tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 5, ổn định đời sống nhân dân và nhanh chóng phục hồi nghề nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ở những nơi bị thiên tai.

2. Tập trung phát triển vùng chuyên canh lúa xuất khẩu, gạo đặc sản, ngô, cao su, cà phê, hạt điều, mía đường, cây ăn quả... Tổ chức tiêu thụ